

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2021.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Ông Nguyễn Văn Thả;

2-Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **157/2021/TLST-HNGĐ ngày 05-3-2021** về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Lê Kim Đ, sinh năm 1982;** hộ khẩu thường trú: Ấp Thanh Xuân, xã M, huyện TB, tỉnh TN; chỗ ở: **Tổ 7, ấp Tân Tây, xã TH, huyện TC, tỉnh TN.** Có đơn yêu cầu vắng mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1980;** hộ khẩu thường trú: Số 42/7 ấp Trường Lộc, xã T, huyện HT, tỉnh TN; chỗ ở: **Tổ 7, ấp Tân Tây, xã TH, huyện TC, tỉnh TN.** Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **chị Lê Kim Đ** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị **Đ** và anh **N** tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121 ngày

14-6-2006. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh N không lo làm ăn, chơi đá gà, chị Đ can ngăn không nghe dẫn đến mâu thuẫn thường hay gây gổ, cãi nhau, có lần anh N đánh đập chị Đ. Hiện chị Đ không còn tình cảm với anh N, không thể tiếp tục chung sống cùng anh N. Do đó chị Đ yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Lê Duy H, sinh ngày 21-11-2006**, hiện đang sống với chị Đ, anh N. Nếu ly hôn chị Đ yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Minh N** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Đ và anh N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121 ngày 14-6-2006. Cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn nhiều anh N làm thợ hàn, trước đây anh N và chị Đ có mâu thuẫn cãi nhau, anh có đánh chị Đ nay không còn nữa, chị Đ, anh N sống chung nhà nhưng không nói chuyện, quan tâm với nhau. Anh N còn thương vợ, con mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình, không Đ ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Lê Duy H, sinh ngày 21-11-2006**, hiện đang sống với chị Đ, anh N. Nếu ly hôn chị Đ yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không Đ ý ly hôn nhưng trường hợp nếu ly hôn anh N yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: **Anh N** không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh **Nguyễn Minh N** đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội Đ xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án. Chị Đ là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ **điểm b khoản 2 Điều 227**; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227**, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị Lê Kim Đ. Chị Lê Kim Đ** được ly hôn với anh **Nguyễn Minh N**.

2. Về nuôi con chung: Anh N giao cháu **Nguyễn Lê Duy H**, sinh ngày **21-11-2006** cho chị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: **Chị Lê Kim Đ**, anh **Nguyễn Minh N** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Lê Kim Đ** phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ **điểm b khoản 2 Điều 227**; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh N.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của **chị Đ** Hội Đ xét xử thấy rằng: **Chị Đ** chung sống với anh **N** vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121 ngày 14-6-2006 chung sống tự nguyện, tự tìm hiểu nhau đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất Đ quan điểm, không hợp tính tình, mâu thuẫn về kinh tế nên dẫn đến gây gổ, cãi nhau, đánh nhau, không quan tâm đến nhau. Anh N cho rằng vợ chồng hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì nhưng anh N cũng thừa nhận trước đây vợ chồng có cãi nhau và anh đánh chị Đ, nay vợ chồng không nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau. Xét thấy mâu thuẫn của **chị Đ, anh N** đã đến mức độ trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, **chị Đ** yêu cầu được ly hôn với anh **N** là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội Đ xét xử chấp nhận cho **chị Đ** được ly hôn với anh **N**.

[3] Về nuôi con chung: Chị **Đ**, anh **N** có 01 con chung tên **Nguyễn Lê Duy H, sinh ngày 21-11-2006**, hiện đang sống với chị **Đ**. Nếu ly hôn chị **Đ** yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H**. Anh **N** không **Đ** ý giao con cho chị **Đ** nuôi dưỡng, anh **N** yêu cầu nuôi dưỡng con con chung. Xét: Nguyên vọng của cháu **H** nếu cha mẹ ly hôn cháu **H** muốn sống với mẹ và chị **Đ** đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu **H** nên Hội **Đ** xét xử giao cháu **H** cho chị **Đ** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Đ** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội **Đ** xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: **Chị Đ, anh N** không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: **Chị Đ** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227**, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị Lê Kim Đ. Chị Lê Kim Đ** được ly hôn với anh **Nguyễn Minh N**.

2. Về nuôi con chung: Anh **N** giao cháu **Nguyễn Lê Duy H, sinh ngày 21-11-2006**, cho **chị Lê Kim Đ** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận **chị Đ** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **N** có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: **Chị Lê Kim Đ** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Lê Kim Đ** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) **Đ** án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) **Đ** mà **chị Đ** đã nộp theo biên lai thu số **0001751 ngày 03-3-2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; **chị Đ** đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Kim Đ**, anh **Nguyễn Minh N** được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Trường Tây, huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu